



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG**

## **ĐỀ ÁN**

**Mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ**

**Ngành: LUẬT**

**Mã ngành: 8380101**

**KHÁNH HÒA, NĂM 2023**





## MỤC LỤC

|                                                                                                                    |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO .....</b>                                                                   | <b>2</b>  |
| 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển .....                                                                        | 2         |
| 1.2. Về hoạt động đào tạo .....                                                                                    | 2         |
| 1.3. Về đội ngũ và cơ sở vật chất .....                                                                            | 3         |
| 1.4. Một số khía cạnh khác .....                                                                                   | 4         |
| 1.5. Định hướng phát triển đến năm 2030 .....                                                                      | 4         |
| 1.6. Cơ sở pháp lý tự chủ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Luật.....                                              | 6         |
| <b>PHẦN 2: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO .....</b>                                                                 | <b>10</b> |
| 2.1. Bối cảnh chung của trường.....                                                                                | 10        |
| 2.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của trường .....                                                         | 10        |
| 2.3. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.....                                                             | 12        |
| 2.4. Có trong danh mục thống kê ngành đào tạo .....                                                                | 20        |
| <b>PHẦN 3: ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>                                                             | <b>21</b> |
| 3.1. Chỉ đạo và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo .....                                                        | 21        |
| 3.2. Chỉ đạo và tổ chức thẩm định chương trình đào tạo.....                                                        | 21        |
| 3.3. Thông qua và ban hành chương trình đào tạo.....                                                               | 21        |
| 3.4. Kết luận về điều kiện chương trình đào tạo .....                                                              | 22        |
| <b>PHẦN 4: ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ KHOA HỌC.....</b>                                             | <b>24</b> |
| 4.1. Điều kiện thực tế đã chuẩn bị so với chuẩn quy định.....                                                      | 24        |
| 4.2. Điều kiện về xây dựng kế hoạch và cam kết tuyển dụng và phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học..... | 27        |
| <b>PHẦN 5: ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT .....</b>                                                                   | <b>28</b> |
| 5.1. Điều kiện thực tế chuẩn bị so với chuẩn quy định.....                                                         | 28        |
| 5.2. Điều kiện về xây dựng kế hoạch và cam kết đầu tư cơ sở vật chất.....                                          | 29        |
| <b>PHẦN 6: ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ.....</b>                                                            | <b>30</b> |
| 6.1. Xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa.....                                                                      | 30        |
| 6.2. Xác định các bộ quản lý chuyên môn đối với ngành.....                                                         | 30        |
| <b>PHẦN 7: QUẢN LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....</b>                                                          | <b>31</b> |
| <b>PHẦN 8: CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN .....</b>                                                                 | <b>33</b> |
| Phụ lục 1. Xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo .....                                                      | 35        |
| Phụ lục 2. Các văn bản pháp lý đính kèm theo thời gian .....                                                       | 49        |
| Phụ lục 3. Chương trình đào tạo.....                                                                               | 50        |
| Phụ lục 4. Hồ sơ giảng viên.....                                                                                   | 51        |
| Phụ lục 5. Phiếu nhận xét hồ sơ mở ngành .....                                                                     | 52        |





## **PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

(Khoản 1, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)

### **1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

Trường Đại học Thái Bình Dương (TBD) được thành lập ngày 31/12/2008 theo quyết định số 1929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trường tổ chức và hoạt động theo mô hình trường đại học tư thực, tuân thủ theo các quy định hiện hành về giáo dục đại học (GDDH) và các quy định khác của pháp luật.

Từ khi mới thành lập đến năm 2016, Trường Đại học Thái Bình Dương tọa lạc tại địa chỉ số 99 Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Giai đoạn này trường đào tạo cả ba trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học với các khoa gồm: Kinh tế và Du lịch, Y dược và Điều dưỡng, Ngôn ngữ và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, với 5 ngành trình độ Đại học, 5 ngành trình độ Cao đẳng và 6 ngành trình độ Trung cấp, quy mô 3.932 sinh viên.

Năm 2016, Trường Đại học Thái Bình Dương là một trong những trường tiên phong chuyển đến làng đại học của tỉnh Khánh Hòa. Trụ sở nhà trường hiện nay đặt trong khuôn viên rộng 13,2 hecta tại số 79 Mai Thị Đồng, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Trường phát triển rộng các ngành nghề đào tạo với 8 ngành đào tạo trình độ đại học. Kể từ năm 2017, Trường Đại học Thái Bình Dương chỉ tuyển sinh đại học, không tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp.

Năm 2022, nhà trường đã vinh dự đạt được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo Quyết định số 432/QĐ-KĐCLV ngày 14/04/2022 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – TĐHV. Trên cơ sở đó, đầu năm 2023, trường mở 05 ngành đào tạo đại học.

Năm 2023, ngành đào tạo đại học Luật của trường vinh dự đạt được chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Quyết định số 712/QĐ-KĐCLV ngày 30/10/2023 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – TĐHV. Trên cơ sở này, Trường đặt mục tiêu mở ngành đào tạo cao học Luật.

### **1.2. Về hoạt động đào tạo**

Về chương trình đào tạo, Trường Đại học Thái Bình Dương là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, áp dụng hệ thống tín chỉ Bắc Mỹ để sinh viên tự hoạch định lộ trình học tập và đưa giáo dục khai phóng làm nền tảng cho mọi ngành chuyên môn. Điều này nhằm mục tiêu đào tạo các cử nhân tương lai có “chuyên



môn sâu trên nền tảng rộng”, thích ứng với thị trường lao động đang biến động liên tục trong thời đại 4.0. Đây là đại học đầu tiên của vùng duyên hải miền Trung đưa triết lý giáo dục khai phóng vào chương trình đào tạo. Với nền tảng triết lý giáo dục khai phóng thì trong hai năm đầu, sinh viên sẽ được “đổ nền kiến thức”. Đối với nhóm kiến thức tổng quát về tự nhiên và xã hội, sinh viên được học các chuyên đề văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, hội họa, âm nhạc, điện ảnh, môi trường tự nhiên.

Điểm nổi bật của Nhà trường trong hoạt động đào tạo là tăng cường kết nối, hợp tác với các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo nhằm đào tạo sinh viên đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động. Đặc biệt, đối với sinh viên năm cuối, Trường hợp tác với các doanh nghiệp đối tác, tổ chức các hoạt động đào tạo đặc thù của Trường nhằm giúp sinh viên có cơ hội việc làm cao ngay trong thời gian thực tập tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp. Trong quá trình học, để có cơ hội vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tế, thích nghi cuộc sống, sinh viên sẽ tham gia các đề án học tập thông qua phục vụ cộng đồng (service learning) của doanh nghiệp hay các tổ chức phi chính phủ.

### **1.3. Về đội ngũ và cơ sở vật chất**

Về đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giảng viên, trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2022 trường giữ ổn định số lượng dao động khoảng 140 người, đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo của 08 ngành trình độ đại học. Đến thời điểm đầu năm 2023, ổng số nhân sự của trường ước tính có 160 người đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trường Đại học Thái Bình Dương là một trong những Trường tiên phong thực hiện chính sách thu hút và tuyển dụng đón đầu đối với các ứng viên tốt nghiệp tiến sĩ nước ngoài tại các trường uy tín, những người đầu ngành, những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước như chính sách nhà ở chuyên gia, chính sách hỗ trợ kinh phí đi lại và phương tiện đưa đón khi công tác tại Trường. Từ năm 2023, trường cũng đã tham gia Đề án 89 theo Quyết định số 89/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030.

Về cơ sở vật chất, trụ sở chính tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được xây dựng trong khuôn viên hơn 13,2 hecta, toàn bộ khuôn viên trường được quy hoạch theo chiến lược phát triển, với thiết kế tiện nghi, hiện đại có đủ phòng học, hội trường, thư viện, phòng thực hành, phòng máy tính, ký túc xá, nhà ở chuyên gia,... đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc, nghỉ



ngôi của sinh viên và đội ngũ sư phạm Trường. Đặc biệt, Trường Đại học Thái Bình Dương là một trong những Trường đầu tiên tại Nha Trang xây dựng Trung tâm IT Space – Mô phỏng Doanh nghiệp IT tại Trường. Không chỉ là nơi làm việc và nghiên cứu của sinh viên và giảng viên, IT Space được sử dụng làm nơi tổ chức các hoạt động học thuật, huấn luyện, hợp tác doanh nghiệp và các dự án PVCD. Ngoài ra, Khoa Du lịch có Hospitality Space, Khoa Kinh tế và Quản trị Business Analytic Lab, Khoa Luật và Quản lý nhà nước có Phòng Tư liệu pháp lý và Hồ sơ vụ án... đáp ứng nhu cầu dạy và học theo định hướng nghiên cứu cũng như ứng dụng.

#### **1.4. Một số khía cạnh khác**

Về nghiên cứu khoa học, mặc dù là Trường tư thục còn non trẻ, Lãnh đạo nhà trường xác định rất cụ thể chiến lược về nghiên cứu khoa học qua từng giai đoạn. Đặc biệt, giai đoạn mới 2020-2025, nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ chuyên gia và kinh phí để phát triển nghiên cứu khoa học với mục tiêu có bài viết ISI, SCOPUS, có dự án nghiên cứu phục vụ địa phương và nhà trường.

Về phục vụ cộng đồng, nhà trường chú trọng rèn luyện kỹ năng cho sinh viên thông qua các dự án về cộng đồng (service learning) lồng ghép với các học phần trong Bộ môn Giáo dục tổng quát. Bên cạnh đó, tập thể cán bộ giảng viên thành lập CLB Tâm an Hạnh phúc, CLB này thường xuyên tổ chức các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện và cũng là nơi để sinh viên TBD tham gia trải nghiệm tích cực các hoạt động vì cộng đồng.

Về quan hệ doanh nghiệp, nhằm thúc đẩy phương thức đào tạo gắn thực tế, Nhà trường đã tăng cường hợp tác doanh nghiệp với đối tác chiến lược là Vietjet, HDBank và nhiều doanh nghiệp khác trong hệ sinh thái Sovico. Bên cạnh đó còn liên kết đào tạo thực hành nghề nghiệp, trao đổi chuyên gia để hướng dẫn sinh viên trong quá trình học lý thuyết bằng các chương trình Company tour, Khởi nghiệp... với các đối tác Khách sạn Sheraton, Intercotinental, Vinpearl Nha Trang, các tòa án, viện kiểm sát và nhiều tổ chức khác.

#### **1.5. Định hướng phát triển đến năm 2030**

Trong hơn 10 năm hoạt động, Đại học Thái Bình Dương đã trở thành trường đại học ngoài công lập được xã hội công nhận, đóng góp tích cực và hiệu quả vào sự nghiệp xã hội hóa giáo dục khu vực miền Trung - Tây nguyên và trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Đại học Thái Bình Dương phấn đấu trở thành trường đại học uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng. Trường truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống



và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội. Nhiều sinh viên của Trường ngay sau khi tốt nghiệp đã được các cơ quan, doanh nghiệp tuyển dụng và đánh giá tốt về năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, cũng cho thấy rằng chất lượng đào tạo của Nhà trường phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của các địa phương trong xu thế hội nhập với khu vực và thế giới.

**Sứ mạng:** Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

**Tầm nhìn:** Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liêm chính, chuẩn mực quốc tế. Đến năm 2030, Đại học Thái Bình Dương sẽ trở thành một trong những ĐH tư thục tốt nhất Việt Nam.

**Giá trị cốt lõi:**

- Chính trực (Integrity): Đảm bảo thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động.
- Tự do học thuật (Academic freedom): Đảm bảo ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu.
- Tôn trọng sự khác biệt (Diversity): Đảm bảo ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực (truth), phẩm cách (dignity), lẽ phải (commonsenses), công bằng (fairness), và đạo lý (ethics).
- Trách nhiệm (Responsibility): Đảm bảo sự tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động.
- Cách tân (Innovation): Đảm bảo ủng hộ giải pháp sáng tạo.
- Hòa hòa (Harmony): Đảm bảo cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động.

**Triết lý giáo dục:** hoạt động đào tạo của Trường Đại học Thái Bình Dương dựa trên nền tảng triết lý giáo dục khai phóng, lấy người học làm trung tâm; nội dung đào tạo hiện đại, phù hợp với nhu cầu xã hội, chất lượng đào tạo đạt chuẩn mực quốc tế.”



## 1.6. Cơ sở pháp lý tự chủ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Luật

### 1.6.1. Cơ sở pháp lý về tự chủ nói chung

Khoản 2, Điều 32, Luật Giáo dục đại học 2018 quy định “Điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học”:

| TT | Điều kiện tự chủ nói chung theo Khoản 2, Điều 32, Luật Giáo dục đại học 2018                                                                                                                                    | Đáp ứng của trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Đã thành lập hội đồng trường.                                                                                                                                                                                   | Trường đã thành lập Hội đồng trường lần đầu tiên vào năm 2020 Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 31/7/2020 với 11 thành viên. Qua một số lần thay đổi, hiện nay Hội đồng trường có 07 thành viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 2. | Đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp.                                                                                               | Trường đã được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo Quyết định số 432/QĐ-KĐCLV ngày 14/04/2022 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – TĐHV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3. | Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính; quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ khác và có chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do Nhà nước quy định. | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã được ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHTBD-HĐT ngày 24/08/2020 của Hội đồng Trường</li><li>- Quy chế tài chính của Trường đã được ban hành theo Nghị quyết số 06/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 24/08/2020</li><li>- Quy trình, quy định quản lý nội bộ khác có liên quan cũng đã được ban hành như: Quy chế hoạt động Hội đồng trường theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHTBD-HĐT ngày 22/03/2021 của Hội đồng Trường; Quy chế hoạt động Hội đồng Khoa học và đào tạo theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHTBD-HĐT ngày 22/03/2021 của Hội đồng Trường.</li></ul> |



|    |                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4. | Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học. | <p>Nhà trường đã ban hành các quy định có tính chất phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở đào tạo như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân cấp thẩm quyền ký văn bản theo Quyết định số 135/QĐ-ĐHTBD ngày 01/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.</li> <li>- Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng ban thuộc Trường Đại học Thái Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định số 121/QĐ-ĐHTBD ngày 01/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.</li> <li>- Bộ quy tắc ứng xử giảng viên và nhân viên được ban hành theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHTBD-HĐT ngày 30/09/2021 của Hội đồng Trường.</li> <li>- Quy định quản lý hiệu quả làm việc ban hành theo Quyết định số 104A/QĐ-ĐHTBD ngày 20/08/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.</li> </ul> |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

#### 1.6.2. Cơ sở pháp lý về tự chủ mở ngành trình độ thạc sĩ

Ngoài các điều kiện chung tại khoản 2 Điều 32, thì tại Khoản 1 và Khoản 3, Điều 33, Luật Giáo dục đại học 2018 còn quy định về điều kiện thực hiện quyền tự chủ mở ngành thạc sĩ, chi tiết như sau:

| TT | Điều kiện tự chủ về mở ngành theo Khoản 3, Điều 33, Luật Giáo dục đại học 2018                                                                              | Đáp ứng của trường                                                     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước, của từng lĩnh vực bảo đảm hội nhập quốc tế. | Đã đáp ứng. Xem cụ thể tại mục 2.1. và 2.2. thuộc Phần 2 của đề án này |



|    |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                           |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2. | Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu bảo đảm về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu.                                       | Đã đáp ứng. Xem cụ thể tại Phần 4 của đề án này                                                                                                                                                           |
| 3. | Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu.                                        | Đã đáp ứng. Xem cụ thể tại Phần 5 của đề án này                                                                                                                                                           |
| 4. | Có chương trình đào tạo theo quy định.                                                                                                   | Đã đáp ứng. Xem cụ thể tại Phần 3 của đề án này                                                                                                                                                           |
| 5. | Khi đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học thì được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành phù hợp | Ngành đào tạo đại học Luật của trường đã đạt được chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Quyết định số 712/QĐ-KĐCLV ngày 30/10/2023 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – TĐHV |

Như vậy, Trường Đại học Thái Bình Dương đã đáp ứng các điều kiện chung và điều kiện cụ thể về tự chủ mở ngành trình độ thạc sĩ ngành Luật. Để thực hiện chức năng tự chủ này, nhà trường đã quy trình mở ngành nằm trong Văn bản số 01/ĐHTBD-ĐX ngày 05/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương. Cụ thể như sau:

| MỤC                    | TÊN HÀNH MỤC                                      | KẾT QUẢ                                                                                                | THẨM QUYỀN                        |
|------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>XIN CHỦ TRƯỞNG</b>  |                                                   |                                                                                                        |                                   |
| 1.                     | <i>Xây dựng đề xuất chủ trương</i>                | Phê duyệt tờ trình hoặc quyết định thành lập Ban đề xuất - đề án                                       | Hiệu trưởng                       |
| 2.                     | <i>Thống nhất chủ trương với Hội đồng KHĐT</i>    | Biên bản họp                                                                                           | Hội đồng KHĐT                     |
| 3.                     | <i>Báo cáo và phê duyệt chủ trương</i>            | Nghị quyết do Chủ tịch HĐT ký                                                                          | Hội đồng trường                   |
| <b>XÂY DỰNG ĐỀ ÁN</b>  |                                                   |                                                                                                        |                                   |
| 4.                     | <i>Bắt đầu xây dựng đề án</i>                     | Phê duyệt kế hoạch xây dựng đề án                                                                      | Hiệu trưởng                       |
| 5.                     | <i>Xây dựng Chương trình đào tạo</i>              | - QĐ thành lập HĐ XD CTĐT<br>- QĐ thành lập HĐ thẩm định<br>- Biên bản thẩm định<br>- QĐ ban hành CTĐT | Hiệu trưởng và Hội đồng thẩm định |
| 6.                     | <i>Hoàn thiện đội ngũ giảng viên</i>              | Hợp đồng thêm 1-2 tiến sĩ                                                                              | Hiệu trưởng                       |
| 7.                     | <i>Hoàn thiện các hạng mục khác của bản đề án</i> | - Đầu tư khoảng 30 đầu sách chuyên ngành.<br>- Tài liệu, hồ sơ, đóng quyển                             | Bản đề án                         |
| <b>THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN</b> |                                                   |                                                                                                        |                                   |
| 8.                     | <i>Lập kế hoạch thẩm định</i>                     | Kế hoạch thống nhất với BGH                                                                            | HĐKHĐT và Hiệu trưởng             |



|                        |                                |                                                     |               |
|------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------|
| 9.                     | <b>Tổ chức thẩm định đề án</b> | Biên bản thẩm định của Hội đồng khoa học và đào tạo | Hội đồng KHĐT |
| <b>PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN</b> |                                |                                                     |               |
| 10.                    | <b>Tổng hợp và trình đề án</b> | Tổng hợp và đóng quyền đề án                        | Ban đề án     |
| 11.                    | <b>Quyết định mở ngành</b>     | Quyết định của Hiệu trưởng                          | Hiệu trưởng   |
| 12.                    | <b>Gửi báo cáo đến Bộ GDĐT</b> | Báo cáo của Hiệu trưởng                             | Hiệu trưởng   |

**Kết luận:** Trường Đại học Thái Bình Dương đã đảm bảo các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Khoản 2, Điều 32, Luật Giáo dục đại học 2018; đảm bảo điều kiện tự chủ mở ngành thạc sĩ Luật theo quy định tại Khoản 1-3, Điều 33, Luật Giáo dục đại học 2018.

Hơn nữa, nhà trường thường xuyên rà soát và báo cáo cập nhật về các điều kiện tự chủ mỗi khi có thông tin mới, hoặc mỗi khi có yêu cầu từ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến thời điểm này, nhà trường đã có các báo cáo:

1. Ngày 27/11/2020, thực hiện Luật GDĐH năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, Trường Đại học Thái Bình Dương báo cáo về việc đã hoàn thiện cơ cấu bộ máy tổ chức liên quan đến Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường, và Hiệu trưởng tại văn bản số 188/TB-ĐHTBD.

2. Ngày 17/11/2022, nhà trường đã “báo cáo cập nhật về cơ cấu nhà đầu tư, lãnh đạo quản lý Trường Đại học Thái Bình Dương và các văn bản minh chứng các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở đào tạo theo quy định của Luật GDĐH, Nghị định 99” tại Báo cáo số 126/TB-ĐHTBD.

3. Ngày 30/11/2022, thực hiện Công văn số 2970/BGDĐT-GDĐH ngày 13 tháng 07 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã báo cáo các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở đào tạo (CSĐT) theo quy định của Luật GDĐH, Nghị định 99.

4. Ngày 04/04/2023, nhà trường đã “Báo cáo rà soát các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở đào tạo theo quy định của Luật GDĐH 2018, Nghị định 99 trước khi tự chủ mở ngành đào tạo trình độ đại học và cập nhật về cơ cấu nhà đầu tư, lãnh đạo quản lý Trường Đại học Thái Bình Dương” theo văn bản số 04/BC-ĐHTBD.

5. Đến thời điểm hiện tại, chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật của trường đã đạt được chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Quyết định số 712/QĐ-KĐCLV ngày 30/10/2023 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – TĐHV. **(Chi tiết xin tham khảo phụ lục hồ sơ pháp lý đính kèm đề án)**





## PHẦN 2: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Khoản 2, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)

### 2.1. Bối cảnh chung của trường

Trường Đại học Thái Bình Dương được thành lập từ năm 2008, tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2009 với 05 ngành trình độ đại học, đến năm 2017 mới nâng lên được 08 ngành trình độ đại học và thêm 05 ngành nữa vào đầu năm 2023. Trải qua 15 năm hoạt động, hiện chưa có đào tạo trình độ thạc sĩ. So sánh thực tế với các trường đại học cùng độ tuổi cho thấy tiến độ phát triển ngành thạc sĩ của trường là khá chậm.

**Bảng 2.1. So sánh thực tế với các trường đại học cùng độ tuổi cho thấy tiến độ phát triển ngành thạc sĩ của trường là khá chậm**

| STT | Tên trường đại học        | Trụ sở chính | Năm thành lập | Mở ngành thạc sĩ từ |
|-----|---------------------------|--------------|---------------|---------------------|
| 1.  | Trường ĐH Thái Bình Dương | Khánh Hòa    | 2008          | chưa                |
| 2.  | Trường ĐH Đông Á          | Đà Nẵng      | 2009          | 2016                |
| 3.  | Trường ĐH Phan Thiết      | Bình Thuận   | 2009          | 2016                |
| 4.  | Trường ĐH Hoa Sen         | TP.HCM       | 2006          | 2016                |

Từ năm 2022, Trường Đại học Thái Bình Dương được sự đồng hành phát triển từ hệ sinh thái SOVICO, một “tập đoàn đầu tư hàng đầu tại Việt Nam, hoạt động với mục tiêu cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng quốc tế trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hàng không, giáo dục, y tế, chuyển đổi số, năng lượng, đô thị, nghỉ dưỡng... nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và hội nhập kinh tế toàn cầu”. SOVICO cam kết hỗ trợ mạnh mẽ và bài bản vào Trường Đại học Thái Bình Dương, cũng như gắn với hệ sinh thái đa ngành của tập đoàn. Đó là cơ sở vững chắc và thực tế để nhà trường có đủ cơ sở và động lực để khắc phục tình trạng bó hẹp quy mô ngành nghề trong nhiều năm qua, để phát triển nhanh chóng trong thời gian từ 3-5 năm tới có thể bắt kịp được về quy mô ngành đào tạo so với trường xếp trên liền kề.

### 2.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của trường

Chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn năm 2030 của Trường Đại học Thái Bình Dương được ban hành theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019, được ban hành lại theo Nghị quyết số



27/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 26/04/2023 của Hội đồng trường (**xin xem phụ lục 2 được đóng quyển riêng**).

Chiến lược này đã được xây dựng trong bối cảnh “đại học đã trở thành bộ mặt, hàn thử biểu của trạng thái tinh thần của một quốc gia. Sức nặng của một quốc gia không nằm ở diện tích, số dân, tài nguyên, ý thức hệ, định chế chính trị mà ở trình độ tri thức của con người được tạo ra. Đại học chính là nơi rèn luyện những con người đó. Nó là nguyên khí quốc gia rèn đúc giới tinh hoa, là nơi tập trung sinh hoạt cao của nền văn hóa. Đối với người Việt Nam, đại học nghiên cứu và khoa học là những món nợ lịch sử mà các thế hệ hiện nay phải giải trình và giải quyết để phục vụ cuộc chấn hưng quốc gia. Đó là phép thử để xem người Việt Nam có năng lực đổi mới triệt để một định chế học thuật hàng đầu của một quốc gia hay không. Thế giới đang trong giai đoạn ‘thôi thúc và giông bão’. Chúng ta không thể quá chậm chạp hay thờ ơ, nếu không muốn đất nước trả giá quá đắt.” (Theo Nguyễn Xuân Xanh. 2019. Đại học – Định chế giáo dục cao thay đổi thế giới từ trung cổ đến hiện đại, Nhà xuất bản Tổng Hợp thành phố Hồ Chí Minh).

Cùng những trăn trở nói trên và khát vọng xây dựng và phát triển một trường đại học, vượt qua thách thức của nhiều hình thức giáo dục biến dạng hiện nay, đảm nhiệm vai trò vốn là của nó để khai sáng tri thức và rèn luyện kỹ năng thực học cho sinh viên Việt Nam, các nhà đầu tư và đội ngũ sư phạm Trường Đại học Thái Bình Dương quyết tâm tạo bước đột phá cho nhà trường bằng sự khởi đầu xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến 2030. Trường Đại học Thái Bình Dương mong muốn trở thành cái nôi của tự do học thuật, có môi trường giáo dục đào tạo lành mạnh, thực chất và liêm khiết, không thỏa hiệp với bất kỳ thứ gì làm giảm sút chất lượng đào tạo. Chúng tôi thấy có trách nhiệm lắng nghe và tự nhìn lại mình để luôn đổi mới, tiến bộ trong nội dung, phương pháp đào tạo cũng như phát triển học thuật để phục vụ đời sống xã hội. Đào tạo kiến thức và kỹ năng là nhiệm vụ căn bản của đại học, xa hơn, chúng tôi mong muốn Đại học Thái Bình Dương sẽ là nhân tố tích cực trong hệ sinh thái đại học của Việt Nam và thế giới – nơi sẽ giúp cho thanh niên biết sống có trách nhiệm, có ích cho cộng đồng, xã hội và điều quan trọng nhất là giúp cho các thế hệ thanh niên nhận biết các giá trị cần phải được tôn trọng của con người và học để trở thành người tự do.

Việc mở thêm các ngành đào tạo thạc sĩ phù hợp với mục tiêu về dạy và học của chiến lược này, bao gồm việc xây dựng những ngành học và “môi trường dạy và học dân chủ, liêm chính, sáng tạo; cơ cấu ngành hợp lý có tính



liên ngành; phương pháp dạy và học hiện đại; nội dung đào tạo cập nhật và thực tiễn; có học chế tín chỉ theo hệ thống Bắc Mỹ; giảng viên, nhân viên và sinh viên có năng lực giảng dạy, làm việc và học tập bằng tiếng Anh; sinh viên có đời sống tinh thần và thể chất lành mạnh”.

Việc mở thêm các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ cũng không đi ngược với mục tiêu về nghiên cứu khoa học của chiến lược này. Theo đó, ngành đào tạo trình độ thạc sĩ cũng cần phải gắn liền với “đội ngũ giảng viên và sinh viên nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế; có tham gia tích cực vào mạng lưới nghiên cứu trong và ngoài nước; có dự án nghiên cứu phục vụ địa phương và nhà trường”.

Mục tiêu chiến lược về truyền thông thương hiệu cũng sẽ là trọng tâm trong quá trình xây dựng và tổ chức hoạt động của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Trong đó, nhà trường nói chung và ngành học nói riêng phải “đạt được sự công nhận của toàn xã hội về sự đột phá trong dạy, học và nghiên cứu, chất lượng đội ngũ giảng viên và sinh viên, chương trình đào tạo và đời sống sinh viên”.

**Kết luận:** Việc mở ngành nói trên phù hợp mục tiêu chiến lược của trường “trở thành một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực”, phù hợp với chỉ tiêu cụ thể về số lượng ngành đại học năm 2023 được đặt ra là 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, cũng như không đi ngược với bất kỳ định hướng chiến lược phát triển nào của trường.

## 2.3. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội

### 2.3.1. Trên bình diện quốc gia

Về mặt chính sách nói chung, đáng lưu ý nhất là Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030. Trong đó, mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu kinh tế, chỉ tiêu xã hội, và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 như sau:

| STT | Nội dung            | Chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Mục tiêu chiến lược | Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập |



|    |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                   | quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.                                                                                                                                                                                                                            |
| 2. | Chỉ tiêu kinh tế                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD.</li> <li>- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP.</li> <li>- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%.</li> <li>- Tổng đầu tư xã hội bình quân đạt 33 - 35% GDP; nợ công không quá 60% GDP.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3. | Chỉ tiêu xã hội                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,74.</li> <li>- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.</li> <li>- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%.</li> <li>- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4. | Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.</li> <li>2. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.</li> <li>3. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.</li> <li>4. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc</li> </ol> |



|  |  |                                                                                                                                                                                                                            |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô.</p> <p>5. Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.</p> |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025. Trong đó, nhấn mạnh mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể là: (1) Chỉ số Chất lượng đào tạo trong bộ chỉ số về Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) tăng 40 - 50 bậc; chỉ số Kỹ năng của sinh viên tăng 45 bậc so với năm 2019. (2) Tỷ trọng chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt không dưới 1% GDP; số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm giai đoạn 2021 - 2025. (3) Phân đầu đạt khoảng 1,5 triệu doanh nghiệp, trong đó có khoảng 60.000 đến 70.000 doanh nghiệp quy mô vừa và lớn; tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP khoảng 55%; tối thiểu có 05 đến 10 sản phẩm quốc gia xây dựng được thương hiệu quốc tế. (4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đạt khoảng 20%; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%. (5) Phân đầu đến hết năm 2025 có khoảng 35.000 hợp tác xã, trong đó có trên 3.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản, khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. (6) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân trên 6,5%/năm, trong đó tốc độ tăng năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,5 - 7%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động của các vùng kinh tế trọng điểm và 05 thành phố trực thuộc trung ương cao hơn tốc độ tăng năng suất lao động trung bình cả nước. (7) Nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng, trong đó năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt khoảng 45% GDP. (8) Đến năm 2025, thu hẹp khoảng cách về năng lực cạnh tranh quốc gia với các nước trong nhóm ASEAN-4, đặc biệt đối với các chỉ số về thể chế, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực. (8) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 05 năm khoảng 32 - 34% GDP. Nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công đạt mức tiệm cận quốc tế.

Nghị quyết cũng đã đề ra những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu bao gồm: (1) Tập trung hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập. (2) Phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực. (3) Phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các



thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. (4) Phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn. (5) Cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế.

Các nhiệm vụ cụ thể trong các giải pháp nêu trên chứa đựng nhiều mảng, lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến ngành dự kiến mở.

**Bảng 2.3.1.a. Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ dự kiến mở đối chiếu với nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế ở cấp độ quốc gia theo Chương trình hành động của Nghị quyết 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ**

| STT | Tên ngành | Đối chiếu với nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế ở cấp độ quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Luật      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các chính sách và các biện pháp nhằm xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.</li> <li>- Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm; nghiên cứu xây dựng các giải pháp phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả.</li> <li>- Tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả cải cách thủ tục hành chính; rà soát, bãi bỏ rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng.</li> <li>- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.</li> <li>- Nghiên cứu các giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về xử lý nợ xấu, ngăn ngừa tình trạng đầu tư chéo, sở hữu chéo và sở hữu có tính chất thao túng, chi phối trong các tổ chức tín dụng có liên quan.</li> <li>- Tiếp tục chủ trì rà soát Luật Thi hành án dân sự và các văn bản có liên quan; chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thi hành án dân sự các cấp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, phối hợp với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và các tổ chức tín dụng thi hành bản án, quyết định có hiệu lực thi hành.</li> <li>- Hoàn thiện khung pháp luật về phát triển thị trường lao động, nghiên cứu xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm trình Chính phủ và Quốc hội xem xét theo</li> </ul> |



|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>hướng phù hợp với các hình thái việc làm mới, quan hệ lao động mới trong kỷ nguyên kỹ thuật số, kinh tế số, kinh tế chia sẻ.</p> <p>- Hoàn thiện khung pháp luật về khởi nghiệp sáng tạo, hệ thống bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng,</p> |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Ngoài ra, các chính sách và dự báo ở cấp quốc gia khi xét tới từng lĩnh vực ngành nghề cũng định hình được nhu cầu nhân lực ngành dự kiến mở trong thời gian tới.

**Bảng 2.3.1.b. Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ dự kiến mở đối chiếu với chính sách và dự báo ở cấp quốc gia khi xét tới từng lĩnh vực ngành nghề**

| STT | Tên ngành | Đối chiếu chính sách và dự báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Dẫn nguồn                                                                                                                                                                                            |
|-----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Luật      | Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Đảng đã ban hành nhiều văn kiện, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan có thẩm quyền ban hành nhiều đạo luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện trên thực tiễn. | Nguyễn Hòa Bình (2022), Định hướng cải cách tư pháp ở Việt Nam, Tạp chí Lý luận chính trị, số ra ngày 24 tháng 5 năm 2022, link tại <a href="http://www.lyluanchinhtri.vn">www.lyluanchinhtri.vn</a> |

Như vậy, ở cấp độ quốc gia, chính phủ đã đặt ra những nhiệm vụ, giải pháp rất cụ thể liên quan đến nhu cầu nhân lực trong nhiều lĩnh vực, trong đó có liên hệ mật thiết đến các ngành đào tạo đề xuất chủ trương như trên. Khi xét tới từng lĩnh vực ngành nghề, chính sách và dự báo ở cấp quốc gia cũng chỉ ra nhu cầu nhân lực của ngành dự kiến mở.

### **2.3.2. Trên bình diện Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên**

Bên cạnh Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về việc thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng,



phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng đã đề ra nhiều mục tiêu quan trọng cho Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, cụ thể như sau:

| STT | Nội dung                                  | Chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung | <p>Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh trên biển, nhất là đánh bắt và nuôi trồng hải sản xa bờ. Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, sản xuất, lắp ráp ô tô. Phát triển nhanh, đồng bộ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tăng cường liên kết vùng, tiếp tục hình thành, phát triển hệ thống đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế.</p> <p>Phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế Đông - Tây; phát triển các cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá. Nâng cao năng lực phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại của thiên tai, bão lũ, hạn hán; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chống sa mạc hóa, sạt lở bờ sông, bờ biển.</p> |
| 2.  | Vùng Tây Nguyên                           | <p>Nâng cao hiệu quả các diện tích cây công nghiệp, cây dược liệu, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối, xây dựng thương hiệu sản phẩm trên thị trường quốc tế. Chú trọng khôi phục và phát triển kinh tế rừng. Phát triển năng lượng tái tạo. Phát triển các trung tâm du lịch lớn, hình thành các tuyến du lịch chuyên đề đặc thù vùng Tây Nguyên. Phát triển nguồn nhân lực, ổn định dân cư, ưu tiên bảo tồn và khôi phục các giá trị truyền thống, bản sắc của các dân tộc vùng Tây Nguyên. Xây dựng đường bộ cao tốc và nâng cấp mạng lưới giao thông nội vùng, các tuyến kết nối các tỉnh Tây Nguyên với Đông Nam Bộ, ven biển Nam Trung Bộ với Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống.</p>                                                                                                                         |
| 3.  | Địa phương Khánh Hòa                      | Về công nghiệp, sẽ ưu tiên phát triển theo chiều sâu; mở rộng quy mô sản xuất các ngành công nghiệp có thể mạnh. Nghiên cứu xây dựng, đề xuất ban hành cơ chế,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |



|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>chính sách đặc thù, thu hút các nhà đầu tư chiến lược; nâng cao hiệu quả, hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.</p> <p>Về phát triển ngành nông nghiệp, sẽ chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số gắn với chế biến.</p> <p>Về phát triển dịch vụ, du lịch, sẽ chú trọng phát triển dịch vụ logistics, hình thành các trung tâm thương mại tầm cỡ quốc gia, quốc tế; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chú trọng các sản phẩm du lịch đẳng cấp, chất lượng cao... Phấn đấu đến năm 2025, lượng du khách đạt 11 triệu lượt/năm và 15,4 triệu lượt vào năm 2030.</p> <p>Về phát triển kinh tế biển, sẽ đầu tư phát triển các cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá; xây dựng đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp để khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh, đưa Khu Kinh tế Vân Phong trở thành động lực của tỉnh, khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước.</p> |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Trường Đại học Thái Bình Dương có phạm vi tuyển sinh cả nước. Thực tế sinh viên nhập học vào trường trong các năm qua bao gồm các tỉnh phía Bắc, phía Nam, nhưng chủ yếu vẫn là khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trong đó, sinh viên đến từ các địa phương gồm Khánh Hòa, Phú Yên, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Lâm Đồng chiếm trên 90% tổng số sinh viên toàn trường. Trụ sở chính của trường nằm ở tỉnh Khánh Hòa; do đó, các phân tích dưới đây xin dùng các số liệu từ địa phương này làm cơ sở tham khảo. Tài liệu quan trọng nhất được tham chiếu là Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, quan điểm và mục tiêu xây dựng, phát triển địa phương như sau:

- Quan điểm: Xây dựng và phát triển Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế cho phát triển với kinh tế biển là nền tảng; công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng, kinh tế



số là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển đột phá vùng ven biển; phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và miền núi.

- Mục tiêu đến năm 2030: Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; là một trong những địa phương đi đầu trong bảo vệ môi trường và việc thực hiện phát thải khí nhà kính về mức không.

### **2.3.3. Khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực**

Theo Điểm a, Khoản 2, Điều 7, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, trong quá trình đề xuất chủ trương mở ngành cần phải “khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo”.

Bên cạnh đó, theo Điểm a, Khoản 1, Điều 3, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở phải “phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế”.

Để có thông tin đáp ứng các yêu cầu kể trên, Ban đề án mở ngành đã tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực như sau:

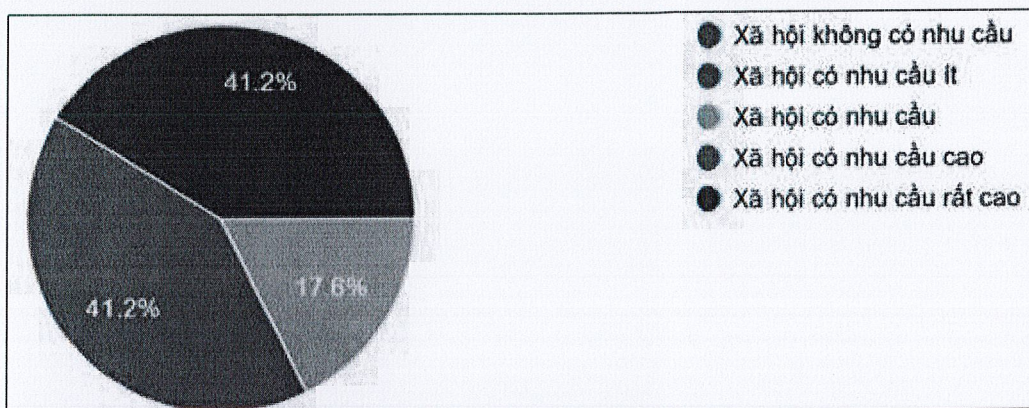
- Hình thức khảo sát: Bảng câu hỏi
- Phương tiện khảo sát: Google Form
- Đối tượng khảo sát: Các chuyên gia kinh tế, cán bộ quản lý nhà nước, nhà khoa học...

- Kết luận: Qua phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực ở Phụ lục 3.1.2., đã đi đến kết luận chung như sau:

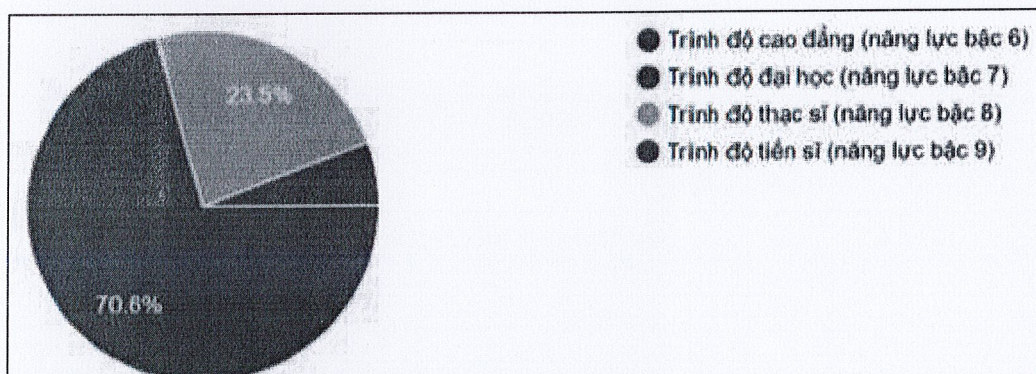


+ Nhu cầu nhân lực về số lượng ngành dự kiến mở được dự báo ở mức độ từ cao đến rất cao trong thời gian tới.

+ Trong đó, ở ngành nghề này, trình độ thạc sĩ, tương ứng với năng lực bậc 8 trong khung trình độ quốc gia (theo Quyết định 1982/QĐ-TTg 2016) được đánh giá là có nhu cầu nhân lực lớn, chiếm khoảng 30% so với những nhu cầu học tập trình độ đại học.



**Hình 2.3.3a. Kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực về số lượng của ngành dự kiến mở trình độ thạc sĩ**



**Hình 2.3.3b. Kết quả khảo sát về nhu cầu nhân lực xét ở khía cạnh trình độ và năng lực tương ứng trong khung trình độ quốc gia của của ngành dự kiến mở trình độ thạc sĩ**

Như vậy, ở cả hai cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương, các cơ quan trung ương và địa phương cũng đã đặt ra những nhiệm vụ, giải pháp, chương trình hành động, và dự báo rất cụ thể liên quan đến nhu cầu nhân lực trong nhiều lĩnh vực trong thời gian tới, trong đó có liên hệ mật thiết đến ngành dự kiến mở. Ngoài ra, Nhu cầu nhân lực về số lượng của ngành này trình độ thạc sĩ được dự báo ở mức độ từ trong thời gian tới.

#### **2.4. Có trong danh mục thống kê ngành đào tạo**

Ngành “**Luật**” có trong “Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học” được ban hành theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được cấp mã số: **8380101**.





### PHẦN 3: ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Khoản 3, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)

Về điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo, Khoản 3, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định “hiệu trưởng cơ sở đào tạo chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành”.

#### 3.1. Chỉ đạo và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương đã ký ban hành Quyết định số 239/QĐ-ĐHTBD ngày 10 tháng 07 năm 2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban đề án mở ngành thạc sĩ” và các “Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo mở ngành đào tạo thạc sĩ” thuộc Trường Đại học Thái Bình Dương (**xin xem phụ lục 2 được đóng quyển riêng**).

#### 3.2. Chỉ đạo và tổ chức thẩm định chương trình đào tạo

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương đã ký ban hành Quyết định số 303/QĐ-ĐHTBD ngày 18/09/2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy trình độ thạc sĩ ngành **Luật** như hình sau (**xin xem phụ lục 2 được đóng quyển riêng**).

Hội đồng thẩm định đã tiến hành cuộc họp thẩm định vào ngày 21/09/2023 và thống nhất biên bản thẩm định với kết luận “thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung”. Sau khi chỉnh sửa đạt yêu cầu, các bên liên quan đã ký Biên bản xác nhận chỉnh sửa sau thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 07/10/2023 (**xin xem phụ lục**).

#### 3.3. Thông qua và ban hành chương trình đào tạo

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được Hội đồng thẩm định thông qua, Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường đã có ý kiến thống nhất với kết luận của Hội đồng thẩm định, thể hiện qua biên bản số 25 ngày 01/11/2023 (**xin xem phụ lục 2 được đóng quyển riêng**).



Căn cứ Khoản 3, Điều 18, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo, Hiệu trưởng cơ sở đào tạo ký quyết định ban hành và áp dụng chương trình đào tạo.

Quyết định số 363/QĐ-ĐHTBD ngày 01/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc ban hành và áp dụng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành **Luật (xin xem phụ lục 2)**.

### **3.4. Kết luận về điều kiện chương trình đào tạo**

Hiệu trưởng cơ sở đào tạo đã chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành như sau:

- Hiệu trưởng thành lập “Ban đề án mở ngành” và Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 17, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT để tổ chức xây dựng chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 18, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT để tổ chức thẩm định chương trình đào tạo.

- Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo đã họp thẩm định theo đúng quy định Khoản 2, Điều 18, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

- Hiệu trưởng ban hành Chương trình đào tạo sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 18, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

Chương trình đào tạo bao gồm các môn học như sau:



| TT            | Khối kiến thức                                         | Số tín chỉ |           |           |
|---------------|--------------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|
|               |                                                        | Tổng cộng  | Bắt buộc  | Tự chọn   |
| <b>I.</b>     | <b>THÀNH PHẦN CHUNG</b>                                | <b>9</b>   | <b>9</b>  | <b>0</b>  |
| 1.            | Triết học                                              | 4          | 4         |           |
| 2.            | Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật | 5          | 5         |           |
| <b>II.</b>    | <b>THÀNH PHẦN NGÀNH</b>                                | <b>36</b>  | <b>28</b> | <b>8</b>  |
| <b>II.1.</b>  | <b>Cơ sở ngành</b>                                     | <b>28</b>  | <b>28</b> | <b>0</b>  |
| 3.            | Pháp luật và phát triển                                |            | 4         |           |
| 4.            | Những nguyên lý hiến pháp và nhà nước pháp quyền       |            | 4         |           |
| 5.            | Những vấn đề pháp lý nền tảng của luật tư              |            | 4         |           |
| 6.            | Chuyên đề Tư pháp hình sự                              |            | 4         |           |
| 7.            | Chuyên đề Tài phán hành chính                          |            | 4         |           |
| 8.            | Chuyên đề Pháp luật hợp đồng                           |            | 4         |           |
| 9.            | Chuyên đề Môi trường pháp lý kinh doanh                |            | 4         |           |
| <b>II.2.</b>  | <b>Chuyên ngành (chọn 8 tín chỉ)</b>                   | <b>8</b>   | <b>0</b>  | <b>8</b>  |
| 10.           | Kinh tế học pháp luật                                  |            |           | 4         |
| 11.           | Luật tố tụng dân sự so sánh                            |            |           | 4         |
| 12.           | Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng                 |            |           | 4         |
| <b>III.</b>   | <b>THÀNH PHẦN TỐT NGHIỆP</b>                           | <b>15</b>  | <b>0</b>  | <b>15</b> |
| <b>III.1.</b> | <b>Định hướng nghiên cứu</b>                           | <b>15</b>  | <b>0</b>  | <b>15</b> |
| 13.           | Luận văn thạc sĩ                                       |            |           | 15        |
| <b>III.2.</b> | <b>Định hướng ứng dụng</b>                             | <b>15</b>  | <b>0</b>  | <b>15</b> |
| 14.           | Thực tập tốt nghiệp                                    |            |           | 6         |
| 15.           | Đề án tốt nghiệp                                       |            |           | 9         |
|               | <b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>                                 | <b>60</b>  | <b>25</b> | <b>35</b> |

(\*) Các lựa chọn chuyên ngành khác có thể đào tạo theo nhu cầu đặt hàng ở **phụ lục 1**.

(\*) Ma trận đối sánh với chương trình đào tạo của một số trường khác ở **phụ lục 2**.





## **PHẦN 4:** **ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ KHOA HỌC**

(Khoản 4, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)

### **4.1. Điều kiện thực tế đã chuẩn bị so với chuẩn quy định**

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, “căn cứ các quy định về điều kiện đội ngũ giảng viên trong mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư này và điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo, hiệu trưởng cơ sở đào tạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học nhằm đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành”.

Tính đến ngày 28/08/2023, Trường Đại học Thái Bình Dương có khoảng 100 giảng viên và cán bộ khoa học. Ngoài ra, nhà trường chưa có ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

#### **4.1.1. Điều kiện “không trùng” tiến sĩ chủ trì tổ chức của ngành khác**

Theo Quyết định số 239/QĐ-ĐHTBD ngày 10 tháng 07 năm 2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban đề án mở ngành thạc sĩ” và các “Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo mở ngành đào tạo thạc sĩ” thuộc Trường Đại học Thái Bình Dương, giảng viên chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật là: **GS.TS. Bùi Minh Trung**.

Như vậy, GS.TS. Bùi Minh Trung không trùng với các tiến sĩ chủ trì tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ hiện hành (hiện trường chưa có ngành đào tạo trình độ thạc sĩ).

#### **4.1.2. Điều kiện về chuyên môn của giảng viên chủ trì tổ chức**

Về văn bằng chuyên môn, ông Bùi Minh Trung có bằng cử nhân Luật học do Học viện Bộ Nội Vụ Liên bang Xô Viết cấp, ông có bằng thạc sĩ Luật học và tiến sĩ Luật học đều do Bộ Giáo dục và Đào tạo nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cấp (theo đề nghị của Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân). Ông Bùi Minh Trung được công nhận phó giáo sư nhà nước năm 2012 và giáo sư nhà nước năm 2016.

Về kinh nghiệm giáo dục, GS.TS. Bùi Minh Trung đã có trên 30 năm kinh nghiệm giảng dạy. Đã từng kinh qua các vị trí quản lý tại các đơn vị như: Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Điều tra tội phạm Học viện Cảnh sát nhân dân. Giảng dạy đại học, cao học và nghiên cứu sinh tại Học viện



Cảnh sát nhân dân, Trường Đại học Mở Hà Nội, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Thái Bình Dương.

Về nghiên cứu khoa học, GS.TS. Bùi Minh Trung đã có trên 17 đầu sách và 31 bài viết đăng trên các ấn phẩm khoa học các loại, tiêu biểu như: Sách chuyên khảo Bình luận khoa học Bộ luật hình sự, Nxb Lao Động năm 2009; Sách chuyên khảo Khoa học hình sự Việt Nam, Tập 4: Phương pháp hình sự, Nxb Công an nhân dân, năm 2012; Bài báo Đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trong bối cảnh hình thành các nước Cộng đồng ASEAN, đăng trên Tạp chí Cảnh sát phòng chống tội phạm, năm 2016; Bài báo Quy định mới của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội phạm về ma túy và tác động của ma túy đến hoạt động của Cơ quan tiến hành tố tụng, đăng trên Tạp chí Khoa học - Trường Đại học mở Hà Nội, năm 2021; Báo cáo Hội thảo khoa học quốc tế, bài viết Xây dựng chương trình cao học luật định hướng nghiên cứu tại Trường Đại học Thái Bình Dương, Hội thảo quốc tế tại Đắk Nông năm 2023.

#### **4.1.3. Điều kiện về số lượng tiến sĩ chủ trì giảng dạy**

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, cần “có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.”

Khoa Luật và Quản lý nhà nước bố trí được 05 giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên phù hợp với ngành luật bao gồm:

1. GS.TS. Bùi Minh Trung, chuyên môn: Luật học
2. TS. Trần Trí Dũng, chuyên môn: Luật học (LS&LLNN và pháp luật)
3. TS. Lê Xuân Thân, chuyên môn: Luật học
4. TS. Nguyễn Thanh Mận, chuyên môn: Luật học
5. TS. Dương Thị Thu Hương, chuyên môn: Luật học

Như vậy, Khoa Luật và Quản lý nhà nước bố trí được đủ 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu ngành phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình. Hiện trường chưa có ngành đào tạo trình độ thạc sĩ nên không có hiện tượng trùng lắp của 05 tiến sĩ này với các ngành đào tạo thạc sĩ khác.



#### 4.1.4. Điều kiện đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

Theo Điểm 1, Khoản 2, Điều 3, Thông tư Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, cần có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo.

| TT            | Khối kiến thức                   | Giảng viên cơ hữu phụ trách chính | Giảng viên cơ hữu đồng phụ trách |
|---------------|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| <b>I.</b>     | <b>THÀNH PHẦN CHUNG</b>          |                                   |                                  |
| 1.            | Triết học                        | PGS.TS. Phạm Văn Huỳnh            | TS. Nguyễn Hữu Liêm              |
| 2.            | PPNC luật học và GD pháp luật    | GS.TS. Bùi Minh Trung             | TS. Dương Thị Thu Hương          |
| <b>II.</b>    | <b>THÀNH PHẦN NGÀNH</b>          |                                   |                                  |
| <b>II.1.</b>  | <b>Cơ sở ngành</b>               |                                   |                                  |
| 3.            | Pháp luật và phát triển          | TS. Dương Thị Thu Hương           | PGS.TS. Nguyễn Đức Thành         |
| 4.            | Những nguyên lý HP&NNPQ          | TS. Trần Trí Dũng                 | PGS.TS. Phạm Văn Huỳnh           |
| 5.            | Những vấn đề PLNT của luật tư    | TS. Dương Thị Thu Hương           | TS. Nguyễn Thanh Mận             |
| 6.            | CĐ Tư pháp hình sự               | TS. Nguyễn Thanh Mận              | GS.TS. Bùi Minh Trung            |
| 7.            | CĐ Tài phán hành chính           | GS.TS. Bùi Minh Trung             | TS. Nguyễn Thanh Mận             |
| 8.            | CĐ Pháp luật hợp đồng            | TS. Lê Xuân Thân                  | TS. Đinh Thị Thu Hà              |
| 9.            | CĐ Môi trường pháp lý kinh doanh | TS. Trần Trí Dũng                 | TS. Lê Xuân Thân                 |
| <b>II.2.</b>  | <b>Chuyên ngành</b>              |                                   |                                  |
| 10.           | Kinh tế học pháp luật            | PGS.TS. Nguyễn Đức Thành          | PGS.TS. Ngô Hường                |
| 11.           | Quản trị tốt và PC tham nhũng    | PGS.TS. Phạm Văn Huỳnh            | TS. Lê Xuân Thân                 |
| <b>III.</b>   | <b>THÀNH PHẦN TỐT NGHIỆP</b>     |                                   |                                  |
| <b>III.1.</b> | <b>Định hướng nghiên cứu</b>     |                                   |                                  |
| 12.           | Luận văn thạc sĩ                 | Phân công GV đủ chuẩn             | Phân công GV đủ chuẩn            |
| <b>III.2.</b> | <b>Định hướng ứng dụng</b>       |                                   |                                  |
| 13.           | Thực tập tốt nghiệp              | Phân công GV đủ chuẩn             | Phân công GV đủ chuẩn            |
| 14.           | Đề án tốt nghiệp                 | Phân công GV đủ chuẩn             | Phân công GV đủ chuẩn            |
|               | <b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>           |                                   |                                  |

#### (\*) Phân bổ môn học chi tiết thể hiện chi tiết tại phụ lục 1, bảng 2.

- Tổng số lượng giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT: 10 giảng viên
- Tổng số lượng giảng viên cơ hữu giảng dạy CTĐT: 10 giảng viên
- Tổng số lượng giảng viên thỉnh giảng giảng dạy CTĐT: Không có

Như vậy, Khoa Luật và Quản lý nhà nước bố trí được giảng viên cơ hữu đảm nhận 100% các môn học của chương trình đào tạo mà không cần phải hợp đồng thỉnh giảng. Tuy vậy, để đảm bảo tính đa dạng và tính thực tiễn của đào tạo, nhà trường vẫn cho phép Khoa Luật và Quản lý nhà nước được mời thỉnh giảng là các nhà khoa học đầu ngành hoặc các chuyên gia nghề nghiệp với phạm vi chuyên môn và bằng cấp đáp ứng yêu cầu, và đảm bảo không quá 30% chương trình đào tạo.



#### **4.2. Điều kiện về xây dựng kế hoạch và cam kết tuyển dụng và phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học**

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, cơ sở đào tạo cần “xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ sở đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với qui mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định của Thông tư này, quy định của cơ sở đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết thực hiện trong đề án mở ngành đào tạo.”

Như trình bày tại mục 4.1.4, Khoa Luật và Quản lý nhà nước bố trí được giảng viên cơ hữu đảm nhận 100% các môn học của chương trình đào tạo mà không cần phải hợp đồng thỉnh giảng. Do đó, về mặt nguyên tắc, nếu không có sự điều chỉnh về chương trình đào tạo, không có sự gia tăng đột biến về chỉ tiêu tuyển sinh, không có nhân sự nghỉ việc, thì nhà trường chưa cần phải tuyển dụng hay phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học trong thời gian 02 năm tới.

Tuy vậy, để đáp ứng nhu cầu gia tăng chỉ tiêu tuyển sinh (nếu có) và đa dạng hóa đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học, nhà trường vẫn cam kết kế hoạch tuyển dụng và phát triển đội ngũ như sau:

| <b>Năm</b>  | <b>Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến</b> | <b>Số lượng GS chủ trì tổ chức</b> | <b>Số lượng tiến sĩ chủ trì giảng dạy</b> | <b>Số giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy</b> | <b>Dự kiến tuyển dụng và phát triển đội ngũ</b> |
|-------------|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>2023</b> | 50                                 | 1                                  | 5                                         | 10                                             | -                                               |
| <b>2024</b> | 50                                 | 1                                  | 6                                         | 11                                             | 1 tiến sĩ                                       |
| <b>2025</b> | 80                                 | 1                                  | 6                                         | 11                                             | -                                               |
| <b>2026</b> | 80                                 | 1                                  | 7                                         | 12                                             | 1 tiến sĩ                                       |
| <b>2027</b> | 100                                | 1                                  | 7                                         | 12                                             | -                                               |
| <b>2028</b> | 100                                | 1                                  | 7                                         | 12                                             | -                                               |
| <b>2029</b> | 200                                | 1                                  | 8                                         | 13                                             | 1 tiến sĩ                                       |
| <b>2030</b> | 200                                | 1                                  | 8                                         | 13                                             | -                                               |





## PHẦN 5: ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

(Khoản 5, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)

### 5.1. Điều kiện thực tế chuẩn bị so với chuẩn quy định

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, “căn cứ các quy định về điều kiện cơ sở vật chất trong mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư này và điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo, hiệu trưởng cơ sở đào tạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành”. Nhà trường đã chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo thể hiện trong các Bảng 6, 7 và 8 trong Phụ lục 2:

- Bảng 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo.

- Bảng 7 : Thư viện - chi tiết về các sách mảng Giáo dục tổng quát, Cơ sở ngành, Cốt lõi ngành và Chuyên ngành.

- Bảng 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở.

Dưới đây là tổng quan về CSVC của trường đáp ứng cho việc mở ngành:

| STT      | Hạng mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số lượng | Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> ) |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của GS, PGS, GVCH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 40       | 2.591,59                                 |
| 1.1      | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1        | 324                                      |
| 1.2      | Phòng học từ 100 chỗ trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2        | 288                                      |
| 1.3      | Phòng học từ 25 - 75 chỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 14       | 954,6                                    |
| 1.4      | Số phòng học dưới 25 chỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1        | 36                                       |
| 1.5      | Phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên toàn thời gian                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 22       | 988,99                                   |
| <b>2</b> | <b>Thư viện, trung tâm học liệu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1        | 277,5                                    |
| <b>3</b> | <b>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập... gồm có:</b><br>- Phòng thực hành CNTT (108 m <sup>2</sup> )<br>- Phòng IT Space (107,28 m <sup>2</sup> )<br>- Phòng diễn án Phiên tòa giả định (144 m <sup>2</sup> )<br>- Phòng thực hành Hospitality Space (57,42 m <sup>2</sup> )<br>- Phòng thực hành Nhà hàng (57,42 m <sup>2</sup> )<br>- Trung tâm TDDT (12.000 m <sup>2</sup> )<br>- Sân GDQP (1.000 m <sup>2</sup> ) | 07       | 13.474,12                                |



Như vậy, cơ sở vật chất đã được chuẩn bị ở cấp trường nói chung và cho khoa Khoa Luật và Quản lý nhà nước nói riêng đã đáp ứng được yêu cầu mở ngành.

## **5.2. Điều kiện về xây dựng kế hoạch và cam kết đầu tư cơ sở vật chất**

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, cơ sở đào tạo cần “xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ sở đào tạo và triển khai thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định của Thông tư này, quy định của cơ sở đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết trong đề án mở ngành đào tạo”.

Như trình bày tại mục 5.1, cơ sở vật chất đã được chuẩn bị ở cấp trường nói chung và cho khoa Khoa Luật và Quản lý nhà nước nói riêng đã đáp ứng được yêu cầu mở ngành và tổ chức chương trình đào tạo mà chưa cần phải đầu tư thêm ngay thời điểm này. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu gia tăng chỉ tiêu tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo, việc đầu tư thêm cơ sở vật chất là cần thiết.

Đối với việc đầu tư thêm cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu gia tăng chỉ tiêu tuyển sinh, nhà trường cam kết đầu tư hàng năm và chỉ tính toán chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm dựa trên cơ sở vật chất đã đầu tư.

Đối với việc đầu tư thêm cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường cam kết đầu tư cho Khoa Luật và Quản lý nhà nước một Trung tâm Thực hành Pháp luật (Trung tâm Tư vấn Pháp luật và Bồi dưỡng Nghiệp vụ) từ năm đào tạo thứ hai của khóa tuyển đầu tiên, với trang thiết bị ban đầu như sau:

| Tên gọi máy, thiết bị | Nước sản xuất,<br>năm sản xuất | Số lượng | Đơn vị |
|-----------------------|--------------------------------|----------|--------|
| Bàn làm việc          | VN, 2020                       | 04       | Cái    |
| Số chỗ ngồi           | VN, 2020                       | 25       | Chỗ    |
| Máy tính              | VN, 2019                       | 05       | Cái    |
| Tủ, kệ hồ sơ          | VN, 2020                       | 02       | Cái    |
| Máy in                | VN, 2020                       | 01       | Cái    |





## PHẦN 6: ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

(Khoản 6, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)

### 6.1. Xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, cơ sở đào tạo cần “xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở”.

Hiện nay, nhà trường đã giao cho **Khoa Luật và Quản lý nhà nước** chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở. Các văn bản từ Tờ trình xin chủ trương mở ngành, Quyết định thành lập Ban đề án mở ngành và Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo, Quyết định ban hành chương trình đào tạo đều thể hiện nhất quán sự phân công này (**xin xem phụ lục 2 được đóng quyển riêng**).

### 6.2. Xác định các bộ quản lý chuyên môn đối với ngành

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, cơ sở đào tạo cần “phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở”.

Hiện nay, nhà trường đã giao cho **GS.TS. Bùi Minh Trung** chịu trách nhiệm quản lý chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở. Quyết định thành lập Ban đề án mở ngành thạc sĩ và Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đã thể hiện rõ tiến sĩ là người chủ trì xây dựng chương trình đào tạo. (**xin xem phụ lục 2 được đóng quyển riêng**).





## PHẦN 7: QUẢN LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Khoản 7, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)

Theo quy định tại Khoản 7, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, cơ sở đào tạo cần “báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra; Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan”. Dưới đây là phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo:

| STT | Phân tích nhận diện rủi ro                                                                                                                                                                                                                                 | Giải pháp đề phòng rủi ro                                                                                                                                                                         | Phương án xử lý rủi ro                                                                                                                                  | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1.  | Phần lớn do yếu tố hiệu quả tài chính, việc mở ngành ít khi để cách quá xa kỳ tuyển sinh đầu tiên của ngành đó. Ngược lại, nếu lộ trình quá cận, dễ xảy ra rủi ro không mở kịp ngành trong năm tuyển sinh dự kiến, dẫn đến phải rút lại thông báo dự kiến. | <ul style="list-style-type: none"><li>- Lập kế hoạch chặt chẽ</li><li>- Tuyên bố dự kiến phải minh định rõ ràng, tránh hiểu lầm</li><li>- Việc rút ngành dự kiến (nếu có) phải kịp thời</li></ul> | Rút thông tin dự kiến tuyển sinh sớm trước ít nhất 15 ngày trước ngày hết hạn đăng ký nguyện vọng tuyển sinh chung của Bộ GDĐT                          |         |
| 2.  | Thẩm định chương trình đào tạo không đạt, hoặc đạt nhưng phải chỉnh sửa làm chậm tiến độ                                                                                                                                                                   | Tổ chức đội ngũ xây dựng chương trình mạnh, làm việc nghiêm túc, thực chất                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Khắc phục, điều chỉnh theo yêu cầu</li><li>- Nếu chậm đến trễ hạn thì dời kế hoạch tuyển sinh dự kiến</li></ul> |         |
| 3.  | Thẩm định đề án không đạt, hoặc đạt nhưng phải                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà trường đầu tư các điều kiện đồng bộ, đầy đủ</li></ul>                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Khắc phục, điều chỉnh theo yêu cầu</li></ul>                                                                    |         |





| STT | Phân tích<br>nhận diện rủi ro                                                                                     | Giải pháp<br>đề phòng rủi ro                                                               | Phương án<br>xử lý rủi ro                                                                                 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     | chỉnh sửa làm chậm tiến độ                                                                                        | - Tổ chức đội ngũ xây dựng mạnh, làm việc nghiêm túc, thực chất                            | - Nếu chậm đến trễ hạn thì dời kế hoạch tuyển sinh dự kiến sang năm mới                                   |         |
| 4.  | Bộ GDĐT góp ý và yêu cầu điều chỉnh đối với đề án mở ngành                                                        | Tổ chức xây dựng đề án nghiêm túc                                                          | Khắc phục, điều chỉnh theo yêu cầu                                                                        |         |
| 5.  | Các giảng viên đứng tên ngành nghỉ việc hoặc vì một lý do nào khác dẫn đến thiếu hụt đội ngũ giảng viên tối thiểu | - Hợp đồng dài hạn<br>- Đội ngũ có phần dôi dư hơn mức tối thiểu                           | - Xử lý tức thời có thể mời giảng nội bộ từ các đơn vị khác trong trường<br>- Tuyển dụng nhân sự thay thế |         |
| 6.  | Trường hợp tuyển sinh không đủ chỉ tiêu đề ra                                                                     | Lập kế hoạch tuyển sinh bài bản, kịp thời, đồng bộ                                         | Có những biện pháp chuyên biệt đối với ngành khó                                                          |         |
| 7.  | Trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động:<br>- Đình chỉ tuyển sinh mới<br>- Đình chỉ hoạt động hoàn toàn    | Kiểm soát tuân thủ đầy đủ pháp luật để ngăn ngừa rủi ro đình chỉ tuyển sinh hoặc hoạt động | Đảm bảo đào tạo đối với các khóa đã tuyển. Phối hợp theo hướng dẫn của Bộ khi bị đình chỉ.                |         |

Như vậy bảng tổng hợp trên đây cho thấy nhà trường đã phân tích, thuyết minh và dự báo được các tình huống rủi ro có thể xảy ra; đã đề ra được các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục rủi ro có thể xảy ra; đã báo cáo phân tích được các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.





## PHẦN 8:

### CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

(Khoản 7, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)

| <b>Theo quy định tại Khoản 8, Điều 8, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, cơ sở đào tạo cần thể hiện các các minh chứng kèm theo đề án như sau:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Vị trí</b>    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| a) Nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng đại học phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành của cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo chưa có hội đồng trường).                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>PHỤ LỤC 2</b> |
| b) Biên bản thẩm định đề án mở ngành của hội đồng khoa học và đào tạo;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                  |
| c) Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; quyết định ban hành chương trình đào tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                  |
| d) Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều này, gồm các thông tin theo mẫu báo cáo quy định tại Mục 1 (về giảng viên) và Mục 2 (về kết quả nghiên cứu khoa học) Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp. | <b>PHỤ LỤC 1</b> |
| đ) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo quy định tại khoản 5 Điều này, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo được quy định tại Mục 3 (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo) Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.                                                                                                                              |                  |





**Chi tiết các minh chứng đính kèm theo trình tự như sau:**

**PHỤ LỤC 1. XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

- Bảng 1: Danh sách giảng viên và cán bộ khoa học (thông tin trích ngang)
- Bảng 2: Danh sách giảng viên và cán bộ khoa học (thông tin giảng dạy)
- Bảng 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành dự kiến mở
- Bảng 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành dự kiến mở
- Bảng 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên và cán bộ khoa học
- Bảng 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, và thư viện
- Bảng 7: Thư viện (thống kê tài liệu)

**PHỤ LỤC 2. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ ĐÍNH KÈM THEO THỜI GIAN**

- 2.1. Chiến lược phát triển của trường
- 2.2. Cơ sở pháp lý về tự chủ mở ngành
- 2.3. Đề xuất chủ trương về việc mở ngành
- 2.4. Biên bản HĐKHĐT trường về việc thông qua chủ trương mở ngành
- 2.5. Nghị quyết về việc thông qua chủ trương mở các ngành mới
- 2.6. Quyết định thành lập Ban đề án mở ngành (bao gồm Hội đồng xây dựng CTĐT)
- 2.7. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
- 2.8. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo và xác nhận chỉnh sửa sau thẩm định
- 2.9. Biên bản thẩm định đề án mở ngành của HĐKHĐT

**PHỤ LỤC 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- 3.1. Bản chương trình đào tạo (đánh số trang riêng)
- 3.2. Tổng hợp đề cương môn học (đánh số trang riêng)

**PHỤ LỤC 4. HỒ SƠ GIẢNG VIÊN**

Hồ sơ giảng viên được đóng thành tập riêng, xếp theo thứ tự Tiến sĩ cơ hữu chủ trì xây dựng và tổ chức đào tạo (01 người), Tiến sĩ cơ hữu chủ trì giảng dạy (04 người), và các giảng viên cơ hữu khác tham gia giảng dạy.

Hồ sơ mỗi giảng viên bao gồm:

- Bản sao Lý lịch khoa học
- Bản sao các bằng cấp liên quan
- Bản sao Quyết định tuyển dụng

- Bản cam kết cán bộ cơ hữu làm việc toàn thời gian (có thể hiện địa chỉ nơi ở tại Khánh Hòa), và không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

**PHỤ LỤC 5. PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ MỞ NGÀNH**

Trước khi trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua đề án và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban đề án lập “Phiếu nhận xét hồ sơ mở ngành” nhằm mục đích:

- Tự rà soát, đánh giá tất cả các khâu mở ngành đảm bảo đúng quy định.
- Đảm bảo trình bày khoa học, thuận lợi cho công tác kiểm tra và rà soát.

